

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2025 và định hướng nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III năm 2025 và định hướng nhiệm vụ CCHC trọng tâm 03 tháng cuối năm 2025 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC

Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào vận hành kể từ ngày 01/7/2025; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động rà soát, tổng hợp xây dựng và ban hành mới Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện trong 06 tháng cuối năm; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng lại Kế hoạch CCHC và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định¹. Kế hoạch CCHC năm 2025 xác định cụ thể 52 nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đến nay đã hoàn thành 37 nhiệm vụ, đạt 71,15% kế hoạch đề ra.

2. Về kiểm tra công tác CCHC

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả CCHC và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên và bình đẳng giới²; theo đó, trong năm 2025 sẽ tiến hành kiểm 05 sở, ban, ngành và 20 xã, phường. Đến nay đã thực hiện kiểm tra 05 xã, gồm: Đăk Hà, Đăk Tô, Đăk Rve, Đăk Rơ Wa và Ba Xa.

¹ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 14/07/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2025; Công văn số 186/SNV-CCHCTN&VTLT ngày 15/7/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch CCHC và thực hiện chế độ báo cáo.

² Quyết định số 1209/QĐ-SNV ngày 28/7/2025 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên và bình đẳng giới năm 2025.

Ngoài ra, chỉ đạo 100% các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

a) UBND tỉnh xác định tập trung tuyên truyền về tình hình, kết quả CCHC nổi bật của Trung ương, của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; các chương trình, kế hoạch, đề án về CCHC; nỗ lực, giải pháp của chính quyền tỉnh về hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao đời sống xã hội và tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả tích cực đạt được trong công tác CCHC của tỉnh; thực hiện lắp đặt giai đoạn 01 các tờ phướn, banner tuyên truyền về công tác CCHC tại 10 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

b) Ngoài các kênh truyền thông, UBND tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền bằng nhiều hình thức: Sử dụng mạng xã hội hỗ trợ tuyên truyền; truyền thông qua mạng di động; thiết kế mô hình đồ họa trực tuyến; nâng cao chất lượng chuyên trang “Đồ họa trực quan - Infographic” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Ngoài ra, chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Trong đó chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp theo chủ trương chung của Trung ương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

- Thực hiện quy định tại Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 4705/BTP-CTXDVBQPPL ngày 04/8/2025 của Bộ Tư pháp về việc thông báo nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và trình UBND tỉnh Quyết định danh mục văn bản và dự kiến phân công cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh được giao quy định chi tiết tại các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9.

- Công tác thẩm định văn bản QPPL luôn được chú trọng triển khai thực hiện thường xuyên và nâng cao chất lượng thẩm định; tập trung thẩm định về sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản; sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính. Quý III/2025 đã thực hiện thẩm định 57 lượt dự thảo văn bản quy phạm (20 nghị quyết, 37 quyết định); thành lập 02 Hội đồng thẩm định để thẩm định 01 dự thảo Quyết định và 01 dự thảo Nghị quyết do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo; từ chối thẩm định đối với 01 dự thảo văn bản QPPL do chưa tuân thủ trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL. Qua đó, từ ngày 15/6/2025 đến ngày 14/9/2025, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 41

văn bản QPPL (16 Nghị quyết, 25 Quyết định). Ngoài ra, thực hiện góp ý 28 văn bản Trung ương (09 luật, 01 nghị quyết của UBTW Quốc hội, 09 nghị định, 03 thông tư, 06 quy chuẩn kỹ thuật của Bộ trưởng).

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

Hoàn thành kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật tại UBND huyện Minh Long và Sơn Tây (cũ). Để triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Hội đồng Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh ban hành Công văn hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025 và định hướng tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong quý III/2025 (tại Công văn số 03/HĐPBGDPL ngày 17/7/2025); báo cáo tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh trong triển khai thực hiện các văn bản về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (tại Báo cáo số 04/BC-HĐPBGDPL ngày 18/7/2025); Kế hoạch thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các Luật, Nghị quyết QPPL được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9, các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp (tại Kế hoạch số 06/KH-HĐPBGDPL ngày 04/8/2025).

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL):

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” (tại Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2025). Công tác PBGDPL được tập trung triển khai thực hiện, đổi mới nội dung phổ biến, tuyên truyền, nhất là chú trọng phổ biến kiến thức pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, phổ biến nội dung các Luật, Nghị quyết mới được thông qua liên quan đến triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết quả cụ thể: Chỉ đạo Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-STP ngày 05/8/2025 tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Tư pháp và phổ biến nội dung một số Luật, Nghị quyết mới được thông qua; tổ chức 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp và phổ biến nội dung một số Luật, Nghị quyết mới được thông qua tại xã Đăk Tô, Đăk Hà, Ia Tơi, Ba Gia và Phường Cẩm Thành cho hơn 700 đại biểu tham dự. Ngoài ra, đã tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở năm 2025 tại 02 đơn vị hành chính cấp xã (UBND xã Bờ Y, UBND xã Ngọc Tụ).

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL:

- Về kiểm tra văn bản QPPL: Đã chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 178 văn bản được ban hành dưới hình thức văn bản QPPL của các xã, phường, đặc khu gửi đến.

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát và đề xuất hướng xử lý văn bản do HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành để đề xuất áp dụng (tại Công văn số 880/UBND-NC ngày 31/7/2025); văn bản chỉ đạo thực hiện rà soát

và đề xuất hướng xử lý các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) *(tại Công văn số 1908/UBND-NC ngày 27/8/2025)*. Chỉ đạo Sở Tư pháp tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định để quyết định việc áp dụng các văn bản QPPL.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14/4/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Kết quả đã thực hiện rà soát, bãi bỏ 01 TTHC có điều kiện kinh doanh không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư; 03 TTHC còn lại liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã có phương án rà soát; hiện nay, các sở đang tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung *(tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 2613/UBND-TTHC ngày 07/5/2025, Công văn số 1498/UBND-TTHC ngày 18/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*. Thực hiện báo cáo kết quả tổng hợp, thống kê danh mục TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 29/4/2025.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; theo kế hoạch, hiện nay đang tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành và địa phương.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số TTHC đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh là: Cấp tỉnh: 1.935 TTHC, cấp xã: 404 TTHC. 100% TTHC đã ban hành quy trình nội bộ và được thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phục vụ cho công tác giải quyết hồ sơ TTHC; 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, cập nhật dữ liệu hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đều thực hiện đồng bộ trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

c1) Tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công:

- Cấp tỉnh: Thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thuộc Văn phòng UBND tỉnh đã được UBND tỉnh kiện toàn tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 *(bên cạnh địa điểm làm việc chính tại số 54 đường Hùng Vương, phường Cẩm Thành, còn bố trí địa điểm làm việc thứ 2 tại số 492 đường Trần Phú, phường Kon Tum để phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC)*; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm được quy định tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm được ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày

18/7/2025; phê duyệt danh sách nhân sự được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 21/7/2025, 916/QĐ-UBND ngày 27/8/2025.

- Cấp xã: UBND tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã thành lập, tổ chức hoạt động của 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quy định, chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp cơ quan liên quan kịp thời, hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành, hoạt động của các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, góp phần ổn định tổ chức, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, UBND cấp xã đã thành lập, ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, quy chế tổ chức và hoạt động và phê duyệt danh sách nhân sự cử đến làm việc tại 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

c2) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

Công tác triển khai số hóa trên địa bàn tỉnh nhìn chung giữ được ổn định, việc khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tăng mạnh, đem lại nhiều hiệu quả, cụ thể:

- Cấp tỉnh: Tỷ lệ hồ sơ số hóa thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt khoảng 99,5% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong kỳ; tỷ lệ hồ sơ có số hóa kết quả giải quyết đạt 92,6%; cấp xã đạt 99,3% và 88,3%.

- Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết TTHC theo nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần đạt tỷ lệ 74,62%, chủ yếu khai thác, tái sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c3) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

+ Từ ngày 01/7/2025, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh vẫn tiếp tục vận hành ổn định, liên tục, đảm bảo việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tuy nhiên, trong tháng 7/2025, hồ sơ TTHC lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân thực hiện đăng ký biến động (*chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho*) bị xử lý chậm trễ do liên quan đến việc chờ thống nhất việc áp dụng bảng giá đất trong xác định nghĩa vụ tài chính, dẫn đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai không thể thực hiện chuyển thông tin biến động quyền sử dụng đất đến cơ quan Thuế để tính thuế cho người dân; việc tách, hợp thửa đất bị vướng về thẩm quyền xác nhận do chưa được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đến nay, tình hình đã cơ bản được khắc phục, dần đi vào ổn định. Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới của 16 sở, ngành và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Khu vực III, Khu vực VIII tại Trung tâm là 27.716 hồ sơ, đã giải quyết 24.737 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn khoảng 24.351 hồ sơ, trễ hạn 386 hồ sơ; đang giải quyết khoảng 5.037 hồ sơ, trong đó:

+ Các sở, ngành tiếp nhận mới 19.711 hồ sơ, đã giải quyết khoảng 18.748 hồ sơ, trong đó trả kết quả trước hạn và đúng hạn 18.589 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,15%, hồ sơ trễ hạn khoảng 159 hồ sơ; đang giải quyết 1.957 hồ sơ.

+ Hồ sơ lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân đưa vào thực hiện tại 02 địa điểm của Trung tâm do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất tỉnh - Khu vực III và Khu vực VIII thực hiện: Tiếp nhận mới là 8.005 hồ sơ; kết quả đã giải quyết khoảng 5.989 hồ sơ, trong đó hồ sơ trả kết quả trước hạn và đúng hạn 5.762 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 96,21%, trễ hạn 227 hồ sơ; đang giải quyết 3.080 hồ sơ.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã: Tiếp nhận mới là 101.270 hồ sơ, đã giải quyết 93.645 hồ sơ, trong đó hồ sơ trước hạn, đúng hạn 92.490 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,8%, trễ hạn 1.155 hồ sơ; đang giải quyết 6.926 hồ sơ.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích:

+ Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trong kỳ: Cấp tỉnh 15.854 hồ sơ, đạt 80,4%, riêng lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất tỉnh - Khu vực III và Khu vực VIII thực hiện tiếp nhận 4.274 hồ sơ, đạt 53,4%; cấp xã 69.712 hồ sơ, đạt 68,8%.

+ Đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính khi thực hiện TTHC đã góp phần đưa người dân tiến nhanh hơn đến phương thức thanh toán trực tuyến. Toàn tỉnh đã thanh toán đạt gần 11 tỷ đồng, với hơn 50.619 giao dịch.

+ Có 3.776 hồ sơ được trả kết quả qua đường bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân. Hình thức này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy CCHC và nâng cao chất lượng phục vụ.

- Đến thời điểm hiện tại (*thời điểm trích xuất vào lúc: 09 giờ 50 phút ngày 10/9/2025*), tỉnh Quảng Ngãi xếp vị trí thứ 11/34 tỉnh, thành phố trong cả nước (*đạt 84.01 điểm, thuộc nhóm có điểm Tốt*) về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

c4) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong kỳ đã tiếp nhận 73 phản ánh, kiến nghị về TTHC trực tiếp, qua đơn thư và trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị thuộc Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Các phản ánh của công dân đều đã được giải quyết nhanh và chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

c5) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:

Chất lượng, thái độ phục vụ của công chức, viên chức tại Trung tâm tiếp tục nâng cao; từ ngày 01/7/2025 đến nay đã có gần 8.200 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá mức độ rất hài lòng và hài lòng đạt gần 8.200 lượt, chiếm tỷ lệ 100%, đánh giá chưa hài lòng: 0 lượt.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Về rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL):

- Đối với tổ chức bộ máy hành chính: Ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Chi cục thuộc các sở, ngành³. Các xã, phường, đặc khu, tính đến nay cơ bản đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 03 Phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc UBND cấp xã.

- Đối với ĐVSNCL:

+ Đối với ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đối với 02 ĐVSNCL thuộc tỉnh⁴, 07 Ban Quản lý Dự án khu vực trực thuộc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Quyết định việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum trực thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

+ Đối với ĐVSNCL thuộc các sở, ngành: UBND tỉnh đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 35 ĐVSNCL trực thuộc Sở Y tế; 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư Pháp⁵; 03 ĐVSNCL thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi; 05 ĐVSNCL thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; 11 ĐVSNCL thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường⁶, 05 ĐVSNCL thuộc Sở Xây dựng⁷.

+ Đối với ĐVSNCL cấp xã: Các xã, phường, đặc khu đã ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã theo quy định.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với cơ quan chuyên môn: Tại thời điểm triển khai việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, để bộ máy vận hành đồng bộ, hiệu quả, UBND tỉnh đã thực hiện: (1) trình HĐND tỉnh Quảng Ngãi (mới) khóa XIII tại kỳ họp thứ nhất ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 về việc thành lập 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; (2) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất. Tính đến nay có 107

³ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 07 Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Thủy sản - Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng; Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Thủy lợi Quảng Ngãi; 01 Chi cục thuộc Sở Công Thương: Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ngãi; 01 Chi cục thuộc Sở Y tế: Chi cục An toàn thực phẩm.

⁴ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

⁵ Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 1 và Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh số 2; Phòng Công chứng số 01, Phòng Công chứng số 02.

⁶ 08 Ban Quản lý rừng phòng hộ; 03 Trung tâm, cụ thể: Trung tâm Giống, Trung tâm Khuyến Nông; Trung tâm Trắc địa quan trắc môi trường; 03 đơn vị sự nghiệp của Sở Khoa học và Công nghệ: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi.

⁷ Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 82-01S; Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; Ban Quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi; Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe tỉnh Quảng Ngãi.

tổ chức thuộc sở, ngành (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*).

- Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh: (1) Chuyển đổi tên các ĐVSNCL và các công ty do nhà nước chủ sở hữu sau sắp xếp bộ máy chính quyền 02 cấp⁸; (2) Quyết định việc thay đổi tên gọi của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp của tỉnh đối với 03 đơn vị⁹; (3) Phê duyệt đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và điều chỉnh danh sách phê duyệt ĐVSNCL trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi và các cơ sở giáo dục ngoài công lập; (4) Quyết định việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum trực thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; (5) Phê duyệt Đề án xây dựng, phát triển Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Phạm Văn Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... Tính đến nay có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.

- Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành: Có 168 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành.

- Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc xã: Hiện có 900 đơn vị sự nghiệp thuộc cấp xã.

c) Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:

- Thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở quyết định giao biên chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 và Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 giao biên chế công chức năm 2025 cho các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở bố trí, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao sau sắp xếp.

- Trong năm 2026, căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về tiêu chí xác định biên chế và khung biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu giao biên chế cho từng cơ quan, đơn vị bảo đảm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

d) Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền:

Việc thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền được các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc; tăng tính

⁸ Đổi tên Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kon Tum thành Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi; Chuyển và đổi tên 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế: Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum và Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi; Chuyển và đổi tên 04 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Kon Tum: 02 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, 01 Ban Quản lý vườn quốc gia, 01 trường Cao đẳng; Chuyển và đổi tên 09 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh Kon Tum; Chuyển và đổi tên 02 Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước thuộc UBND tỉnh Kon Tum...

⁹ Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học và Du lịch sinh thái trực thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray tỉnh Kon Tum (cũ) về trực thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Quảng Ngãi; đổi tên Ban Quản lý cảng và Cảng vụ đường thủy nội địa thành: Ban Quản lý cảng tỉnh Quảng Ngãi.

chủ động, trách nhiệm của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; đồng thời tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, mang lại hiệu quả tích cực trong việc phục vụ tổ chức, người dân, doanh nghiệp và góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, các cơ quan đã chủ động bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với trình độ năng lực. Các sở, ngành và UBND cấp xã đang tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, để xác định, bố trí số lượng, cơ cấu ngạch công chức/viên chức và vị trí việc làm theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị chưa thực hiện, đang chờ hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):

Trong quý III, tỉnh chưa thực hiện công tác tuyển dụng công chức, viên chức. Tiếp nhận vào làm công chức 01 trường hợp.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:

Trong quý III năm 2025, Đảng ủy UBND tỉnh cho ý kiến bổ nhiệm lại 01 trường hợp¹⁰, điều động 01 trường hợp¹¹, giới thiệu bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch UBND xã¹² đối với 02 trường hợp, bổ nhiệm 01 trường hợp¹³, trình nhân sự tham gia thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi và Hội đồng Quản lý quỹ đất; quyết định giao phụ trách 02 trường hợp¹⁴.

d) Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh cho chủ trương về việc xếp ngạch Chuyên viên cao cấp đối với 03 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý¹⁵.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, hòa chung với tinh thần của cả nước trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính

¹⁰ Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi.

¹¹ Điều động và bổ nhiệm Phó Giám đốc Bệnh viện Lao và Bệnh phổi trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

¹² Giới thiệu bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hành; tham gia ý kiến đề giới thiệu nhân sự chỉ định chức danh Phó Chủ tịch UBND phường Đức Phổ theo đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 144-CV/BTCTU ngày 06/8/2025.

¹³ Bổ nhiệm Chánh văn phòng UBND tỉnh kiêm nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh.

¹⁴ Giao Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi thực hiện một số nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty trong khi chờ thực hiện quy trình kiện toàn chức danh Chủ tịch Công ty; giao Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi phụ trách, điều hành Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi cấp có thẩm quyền kiện toàn chức danh Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

¹⁵ Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tư pháp và Giám đốc Sở Tài chính.

quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có nhiều chỉ đạo nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là trong việc giải quyết những công việc, thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân¹⁶. Trong đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 178-CV/TU ngày 22/8/2025 về chấn chỉnh việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đi công tác và sử dụng xe công vụ để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc; thời gian đi công tác và bố trí, sử dụng xe công vụ đúng quy định.

Qua theo dõi cho thấy tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có những chuyển biến tích cực, có ý thức rõ hơn trách nhiệm phục vụ nhân dân; tình trạng đi muộn, về sớm, sử dụng thời gian hành chính cho việc riêng từng bước được khắc phục. Đặc biệt, tinh thần “làm hết việc chứ không hết giờ” ngày càng lan tỏa, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và củng cố niềm tin của người dân.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Trên cơ sở Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức 09 lớp bồi dưỡng cho 770 học viên.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi trình HĐND tỉnh ban hành.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương năm 2025 đảm bảo theo quy định¹⁷; báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028¹⁸.

a1) Về tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao:

¹⁶ Thực hiện ý kiến Chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính Phủ Trương Hòa Bình tại Công văn số 4949/VPCP-V.I ngày 05/6/2025 về việc kết quả thanh tra chuyên đề trách nhiệm thực hiện Công vụ, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 299/UBND-NC ngày 14/7/2025 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ trên địa bàn tỉnh.

¹⁷ Công văn số 956/UBND-KTTH ngày 03/8/2025 về việc triển khai Công điện số 05/CD-BTC ngày 25/7/2025 của Bộ Tài chính.

¹⁸ Báo cáo số 28/BC-UBND ngày 08/8/2025.

- Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 09 tháng đầu năm 2025 ước đạt 23.886 tỷ đồng, bằng 64,30% dự toán năm và bằng 100,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

+ Thu nội địa ước đạt 14.479 tỷ đồng, bằng 59,7% dự toán năm và bằng 102,6% so với cùng kỳ năm trước (*nếu tính cả số tiền thuế, tiền thuê đất ước được gia hạn năm 2025 là 2.129 tỷ đồng, thì tổng thu nội địa là 16.608 tỷ đồng, đạt 68,5% dự toán tỉnh giao*).

+ Thu hoạt động xuất nhập khẩu 09 tháng đầu năm 2025 ước đạt 9.385 tỷ đồng, bằng 72,60% dự toán năm và bằng 97,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Kết quả thu NSNN trên địa bàn tỉnh 09 tháng đầu năm 2025 ước đạt 64,30% dự toán tỉnh giao (*nếu tính cả số thuế được gia hạn từ thu nội địa thì thu NSNN đạt 69,9%*), chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao, chủ yếu giảm thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thu tiền sử dụng đất và thu thuế bảo vệ môi trường; nguyên nhân chủ yếu là do giá dầu thô thế giới thấp hơn giá dầu giao dự toán (*giá dầu bình quân 09 tháng đầu năm là 75 USD/thùng, thấp hơn giá dự toán giao là 05 USD/thùng*), thị trường bất động sản trong tỉnh hoạt động trầm lắng, các dự án lớn do tỉnh làm chủ đầu tư triển khai chậm so với kế hoạch, thực hiện chính sách giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu.

a2) Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương giao 7.866.864 triệu đồng, HĐND tỉnh giao 10.427.310 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 31/8/2025 là 3.335.046 triệu đồng, đạt 42,39% so kế hoạch vốn Trung ương giao, đạt 31,98% vốn HĐND tỉnh giao (*ước giải ngân đến ngày 30/9/2025 là 5.192.300 triệu đồng, đạt 66% so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ và 49,8% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao*).

a3) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trên cơ sở các Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2024, Báo cáo quyết toán NSDP năm 2024 của Kiểm toán nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện¹⁹. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đang tổ chức thực hiện.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

- Ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp tỉnh (*trừ thuốc chữa bệnh, vật tư y tế và các tài sản chuyên dùng*) theo quy định của pháp luật; quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo kê khai tài sản công và tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật; ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành theo quy định đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

¹⁹ Tại các Công văn: số 742/UBND-KKTH ngày 28/7/2025, số 2216/UBND-KTTH ngày 05/9/2025, 2038/STC-QLNS ngày 15/9/2025.

- Chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, tổ chức sắp xếp, bố trí sử dụng tài sản và lập kế hoạch xử lý tài sản dôi dư sau khi tổ chức lại bộ máy chính quyền 02 cấp.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, nhà, đất và các tài sản công dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính:

+ Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện; ban hành các Quyết định về phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài chính triển khai xây dựng Kế hoạch tổng thể xử lý tài sản dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, dự kiến ban hành trong tháng 9/2025 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có cơ sở triển khai thực hiện, kịp thời xử lý các tài sản dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính, hạn chế thấp nhất việc làm thất thoát, lãng phí tài sản công.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNC:

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh triển khai công tác ban hành danh mục, định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước năm 2025 và xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030, đồng thời báo cáo Bộ Tài chính theo quy định²⁰; chỉ đạo Sở Tài chính đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng phương án tự chủ về tài chính khi thành lập, tổ chức lại ĐVSNC năm 2025; đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNC theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP²¹.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

Tham mưu trình Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/07/2025 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 09/8/2025 thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1582/UBND-KGVX ngày 19/8/2025 về việc triển khai Quyết định số 1565/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của

²⁰ Công văn số 759/UBND-KTTH ngày 28/7/2025; báo cáo số 27/BC-STC ngày 5/8/2025.

²¹ Công văn số 741/STC-HCSN ngày 01/8/2025; Công văn số 863/STC-HCSN ngày 07/8/2025.

Thủ tướng Chính phủ²²; Công văn số 1764/UBND-KGVX ngày 23/08/2025 về việc tăng cường công tác chuyển đổi số phục vụ chính quyền địa phương 02 cấp.

b) *Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật*: Mạng Truyền số liệu chuyên dùng: Đã triển khai đến 100% các cơ quan cấp tỉnh và 100% cấp xã (96/96 xã, phường, đặc khu); Mạng di động: 100% thôn, bản có sóng di động 3G, 4G. Mạng di động 5G đã triển khai tại các khu đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với 58 trạm BTS; Hệ thống WiFi được các địa phương chú trọng đầu tư lắp đặt tại các khu vực du lịch, nhà rộng phục vụ nhân dân, bộ phận tiếp nhận và kết quả TTHC của UBND cấp xã.

c) *Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng*: Tỉnh đã thực hiện hợp nhất dữ liệu về Hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung của tỉnh: (1) Hệ thống Thư điện tử công vụ; (2) Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP); (3) Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; (4) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (5) Cổng thông tin điện tử tỉnh; (6) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (7) Hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh.

d) *Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu*:

- Toàn tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT); trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL của bộ, ngành Trung ương.

- Về triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Văn phòng Chính phủ*); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (*Bộ Tài nguyên và Môi trường*); Hệ thống cấp mã số ngân sách (*Bộ Tài chính*); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (*Bảo hiểm xã hội*); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (*Bộ Tư pháp*); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); Hệ thống VNPOST (*Bưu điện Việt Nam*); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (*Bộ Công an*); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (*Bộ Nội vụ*);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ, ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

đ) *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ*:

- Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của UBND tỉnh thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị địa phương.

- Các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đã cung cấp trải nghiệm mới, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội; Cổng Thông tin điện tử tỉnh duy trì hoạt động ổn định, an toàn thông tin và thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

²² Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh phục vụ trao đổi công việc của các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

e) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai đến các cơ quan hành chính cấp tỉnh, xã và thực hiện kết nối với Cổng DVCQG. Triển khai, ứng dụng Zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (*tra cứu mã hồ sơ, quét mã QR code qua Zalo...*), ứng dụng Hệ thống tự động giải đáp thông tin giải quyết TTHC (*Chatbot*) cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành, các thông tin về kinh tế - xã hội nhanh chóng, hiệu quả.

- Các nền tảng: Agribank E-Mobile Banking, BIDV iBank, Vietcombank, VietinBank iPay, Zalo Pay... được người dân, doanh nghiệp sử dụng rộng rãi, thường xuyên.

g) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

- Trung tâm IOC tỉnh Quảng Ngãi (*đang thử nghiệm*) được xây dựng với cấu trúc gồm 10 phân hệ chức năng chính, phản ánh các lĩnh vực quản lý trọng điểm của địa phương. Trong đó:

+ 07/10 phân hệ hiện đã hoạt động theo hình thức hiển thị dữ liệu theo thời gian thực, bao gồm: 1. Giám sát và điều hành lĩnh vực Kinh tế - Xã hội (KT-XH); 2. Giám sát Camera an ninh và giao thông; 3. Giám sát lĩnh vực An toàn thông tin; 4. Giám sát và Quản lý văn bản điều hành; 5. Giám sát và điều hành lĩnh vực Y tế; 6. Giám sát và điều hành Dịch vụ công; 7. Giám sát chỉ số hoạt động chung của chính quyền số.

+ 03/10 phân hệ còn lại hiện vẫn phải cập nhật dữ liệu thủ công, cụ thể: 1. Phân hệ Giám sát và điều hành Giáo dục; 2. Phân hệ Giám sát và điều hành Du lịch; 3. Phân hệ Giám sát tàu cá (*chưa thể kết nối được dữ liệu từ Tổng cục Thủy sản, đang chờ kết nối với hệ thống của Bộ đội Biên phòng theo Công văn số 1407/VP-KTN ngày 20/5/2025 của Văn phòng UBND tỉnh*).

h) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoạt động ổn định, đảm bảo kết nối, tích hợp đúng thời gian, lộ trình triển khai của các bộ, ngành, Trung ương. Hiện nay, đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống đáp ứng triển khai sắp xếp lại chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh triển khai đến 217 cơ quan, đơn vị; đã tích hợp, cung cấp 871/2.256 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1.319/2.256 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% các sở, ngành, UBND cấp xã đã thực hiện xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến

và thanh toán trực tuyến²³; 100% người dân đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử - VneID để nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm 2025 theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021; đã chủ động rà soát, tổng hợp xây dựng và ban hành mới Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh để làm cơ sở triển khai thực hiện trong 06 tháng cuối năm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thực đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

2. Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động, khẩn trương tập trung triển khai thực hiện các công việc, nhiệm vụ để hoàn thành việc tổ chức thực hiện chính quyền 02 cấp ở địa phương theo chủ trương chung của Trung ương và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM 03 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

2. Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong năm 2025 tại Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả; ban hành Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” giai đoạn 2025 - 2030 nhằm đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (*thay thế Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*); triển khai xác định Chỉ số CCHC các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp xã, phường, đặc khu năm 2025 nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2025.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL do HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn sau khi ban hành; tổ chức các lớp tập huấn về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện hướng dẫn, kiểm tra thường xuyên, đột xuất hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn

²³ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đăng ký doanh nghiệp; bảo hiểm; đăng ký và quản lý hộ tịch, lý lịch tư pháp; cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Dịch vụ bưu chính công ích; đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội; dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước;...

tỉnh; duy trì và vận hành hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hướng đến chuyên nghiệp, hiện đại; nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo chủ trương của Trung ương đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng; thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định pháp luật.

6. Tiếp tục tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc; thời gian đi công tác và bố trí, sử dụng xe công vụ theo chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 178-CV/TU ngày 22/8/2025 về chấn chỉnh việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đi công tác và sử dụng xe công vụ.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2025 và một số nhiệm vụ trọng tâm về CCHC 03 tháng cuối năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi, kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III NĂM 2025 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	71,15	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	52	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	37	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	05	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	08	06 nhiệm vụ còn trong hạn
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	02	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	8.200	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	229	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	41	Kon Tum (cũ) 02 văn bản; Quảng Ngãi (cũ) 05 văn bản; Quảng Ngãi (mới) 34 văn bản
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	178	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	178	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	579	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	3,9	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	335	Rà soát văn bản của Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ) đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	13	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	102	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.339	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.935	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	404	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.658	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,15	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	18.748	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	18.589	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,80	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	93.645	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	92.490	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	75	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	75	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	15	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	96	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	05	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	30	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.078	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	10	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	168	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	900	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.004	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.533	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	36.326	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35.981	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	15	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.078	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	01	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	42,39	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7.866.864	Trung ương giao
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	3.335.046	Số liệu đến 31/8/2025
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.100	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	16	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	47	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	59	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	7	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	19	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	33	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	978	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	97,20	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,58	
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	94,67	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	871	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	871	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	83,65	
4.2.1.	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	416	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	348	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	94	
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	27.653	
4.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	25.988	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	74,50	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	78.582	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	58.555	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	753	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	753	